TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HN-ST
Ngày: 13-3-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Mai Thị Nhặc

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024, về: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thái Cẩm X, sinh năm 1998; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Mai Quốc C, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: ấp T1, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị X có mặt, anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/01/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Phạm Thái Cẩm X trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Mai Quốc C. Lý do: Chị và anh Mai Quốc C do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2020. Quá trình sống chung vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống, thường hay cự cãi nhau, không có tiếng nói chung. Do tính chất công việc của chị chiếm nhiều thời gian nên anh C không muốn chị đi làm mà muốn chị ở nhà lo cho gia đình (sống chung với cha mẹ chồng). Chị muốn dành 01 phần tiền lương phụ cha mẹ ruột lo cho em của chị bị bệnh nhưng anh C không đồng ý (mỗi tháng lương của chị khoảng 6.000.000 đồng, chị lo cho em khoảng 2.500.000 đồng, phần còn lại sử dụng cho cá nhân và lo cho gia đình). Anh C không chia sẻ, thông cảm cho chị, còn có thái độ không tôn trọng cha mẹ của chị.

Chị và anh C không còn sống chung khoảng 01 năm nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- *Bị đơn anh Mai Quốc C vắng mặt, không lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Phạm Thái Cẩm X, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"*; Trong đó xác định chị Phạm Thái Cẩm X là nguyên đơn, anh Mai Quốc C là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Mai Quốc C tại phiên tòa (vắng mặt lần thứ 2, không có đơn xin vắng), Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thái Cẩm X, thấy rằng:

Tại phiên tòa, chị X vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Anh C vắng mặt theo giấy triệu tập, không lời trình bày.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị X và anh C là có thật. Chị X trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ tính chất công việc của chị và trách nhiệm của chị với gia đình hai bên, anh C không thông cảm, chia sẻ nên vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vả nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị X không cân đối được thời gian dành cho công việc, vai trò và trách nhiệm của mình đối với gia đình hai bên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nhưng không thể bàn bạc, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã có thời gian một thời gian dài không sống chung nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị X kiên quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập để cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng anh C vắng mặt không đến Tòa, đều đó chứng minh anh C cũng không có thiện chí hòa giải với chị X. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị hàn gắn, đoàn tụ được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Chị X trình bày không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị X trình bày không có, anh C vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị X trình bày không có, anh C vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị X chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thái Cẩm X.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phạm Thái Cẩm X được ly hôn với anh Mai Quốc C.

2. Về con chung: Chị Phạm Thái Cẩm X trình bày không có.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phạm Thái Cẩm X trình bày không có, anh Mai Quốc C vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phạm Thái Cẩm X trình bày không có, anh Mai Quốc C vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), chị Phạm Thái Cẩm X phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003768 ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng